

Số: /2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á;

Căn cứ các quy định pháp luật và quy định của Ngân hàng TMCP Việt Á có liên quan;

Căn cứ nhu cầu thực tiễn hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Á.

Để nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn hoạt động của VAB; Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024, cụ thể như sau:

I. KẾ HOẠCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

- Vốn điều lệ hiện tại:

5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó, tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (Năm trăm ba mươi chín triệu, chín

- trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).*
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá 2.105.844.160.000 đồng (*Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*).
- Vốn điều lệ sau khi tăng 7.505.444.590.000 đồng (*Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).

2. Hình thức và phương án phát hành

Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: tổng giá trị cổ phiếu dự kiến tăng thêm (theo mệnh giá): 2.105.844.160.000 đồng (*Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn*), tương đương tỷ lệ phát hành là 39%.

(Nội dung chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).

3. Thời gian thực hiện phát hành: Thời điểm cụ thể do HĐQT quyết định dự kiến trong năm 2024 hoặc cho đến khi VAB hoàn thành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: Nguồn lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức sau khi trích lập đầy đủ các quỹ và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2023 của công ty kiểm toán độc lập) và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

5. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: *(Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).*

6. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 và dự kiến sau khi tăng vốn: *(Chi tiết theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).*

7. Đăng ký cổ phiếu, đăng ký giao dịch bổ sung

Đăng ký bổ sung cổ phiếu tại Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sau khi hoàn thành việc niêm yết trên sàn chứng khoán.

8. Kế hoạch sử dụng vốn và kế hoạch kinh doanh dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ.
(Thông tin chi tiết được trình bày tại Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 kèm theo tờ trình này).

II. NỘI DUNG KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trên cơ sở các nội dung trình bày nêu trên, HĐQT kính trình Đại hội đồng Cổ đông:

1. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 với số vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn điều lệ năm 2024 là: 7.505.444.590.000 đồng (*Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn*).
2. Đồng thời đề thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên;
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
 - Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của VAB, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
 - Các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./ *Chuk*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phương Thành Long

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước v/v quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật hiện hành khác hướng dẫn thực hiện;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô và chất lượng tài sản sinh lời, tăng cường khả năng đầu tư tài sản và đầu tư kinh doanh, nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho chiến lược mở rộng hoạt động của VAB.
- Tăng cường năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập và mở cửa lĩnh vực ngân hàng – tài chính, nâng cao khả năng chống đỡ với các rủi ro trong hoạt động và đáp ứng ngày càng tốt hơn các chỉ tiêu đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Mở rộng, nâng cấp hệ thống mạng lưới các Chi nhánh, Phòng giao dịch; Đầu tư vào các dự án chiến lược của ngân hàng.

II. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến

1.1. Mức vốn điều lệ tăng thêm

Vốn điều lệ hiện tại:	5.399.600.430.000 đồng (Năm nghìn ba trăm chín mươi chín tỷ, sáu trăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó, tổng số cổ phần phổ thông là: 539.960.043 (Năm trăm ba mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm bốn mươi ba) cổ phần, số cổ phần ưu đãi là: 0 (không), số lượng cổ phiếu quỹ là: 0 (không).
-----------------------	---

Vốn điều lệ tăng thêm	2.105.844.160.000 đồng (Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
Vốn điều lệ sau khi tăng:	7.505.444.590.000 đồng (Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

- 1.2. **Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ:** Nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty kiểm toán độc lập) và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- 1.3. **Kế hoạch thực hiện:** Thời điểm tăng vốn cụ thể do HĐQT quyết định sau khi được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 1.4. **Thời gian dự kiến hoàn thành tăng vốn điều lệ:** Trong vòng 12 tháng kể từ ngày VAB được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.

2. Chi tiết phương án phát hành.

1	Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Á.
2	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Á.
3	Mã cổ phiếu	VAB.
4	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu.
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	Tối đa 210.584.416 cổ phiếu.
7	Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	Tối đa 2.105.844.160.000 đồng (Hai nghìn một trăm linh năm tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).
8	Mục đích phát hành	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu.
9	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu của VAB tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.
10	Tỷ lệ thực hiện	- Tối đa 39% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 39 cổ phiếu mới.
11	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các Cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy.

12	Nguồn thực hiện	Nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (theo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty kiểm toán độc lập) và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
13	Tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành	750.544.459 cổ phiếu.
14	Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành	7.505.444.590.000 đồng (<i>Bảy nghìn năm trăm linh năm tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn</i>).
15	Thời gian thực hiện dự kiến	Thời gian cụ thể sẽ do HĐQT VAB quyết định sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận.
16	Thời gian dự kiến hoàn thành	Trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm VAB được NHNN và UBCKNN chấp thuận phương án phát hành.
17	Cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức	VAB cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Cổ phiếu phát hành mới sẽ được đăng ký lưu ký tại VSDC và đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch Upcom hoặc Sở giao dịch chứng khoán theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông và tình hình đăng ký giao dịch/nhiệm ý chứng khoán của VAB tại thời điểm thực tế triển khai phương án tăng vốn điều lệ.

2.1. Thông tin về nguồn vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023:

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	Số tiền sử dụng để tăng VDL
		BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	
I	Vốn chủ sở hữu	7.970.189.474.860	7.997.093.587.052	
1	Vốn của tổ chức tín dụng	5.399.712.500.351	5.399.712.500.351	
1.1	Vốn điều lệ	5.399.600.430.000	5.399.600.430.000	
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	98.600.000	98.600.000	
1.3	Vốn khác	13.470.351	13.470.351	
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	497.344.121.149	508.532.089.741	
2.1	Quỹ dự phòng tài chính	374.351.404.177	381.810.049.905	
2.2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	122.992.716.972	126.722.039.836	

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	Số tiền sử dụng để tăng VDL
		BCTC Riêng lẻ	BCTC Hợp nhất	
3	Lợi nhuận chưa phân phối	2.073.132.853.360	2.088.848.996.960	
3.1	<i>Lợi nhuận năm trước chưa chia</i>	<i>1.361.651.307.719</i>	<i>1.344.755.345.086</i>	
3.2	<i>Lợi nhuận tăng trong năm</i>	<i>711.481.545.641</i>	<i>744.093.651.874</i>	
4	Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận	119.054.984.298	119.054.984.298	
4.1	<i>Quỹ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>37.204.682.593</i>	<i>37.204.682.593</i>	
4.2	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>74.409.365.187</i>	<i>74.409.365.187</i>	
4.3	<i>Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi</i>	<i>7.440.936.518</i>	<i>7.440.936.518</i>	
5	Nguồn có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	2.114.275.268.627	2.133.720.735.091	2.105.844.160.000
5.1	<i>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</i>	<i>1.954.077.869.062</i>	<i>1.969.794.012.662</i>	<i>1.950.000.000.000</i>
5.2	<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>160.197.399.565</i>	<i>163.926.722.429</i>	<i>155.844.160.000</i>

Như vậy, nguồn vốn còn lại có thể sử dụng để phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của VAB là 2.114.275.268.627 đồng (báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2023 của VAB đã được kiểm toán). Nguồn vốn để thực hiện tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không vượt quá nguồn có thể sử dụng để tăng vốn điều lệ trên báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2023 của VAB đã được kiểm toán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của VAB là nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi VAB đã hoàn hành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập đủ các quỹ của Ngân hàng theo quy định và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; đồng thời, ngay sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, VAB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Do đó, việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của VAB đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

2.2. Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn; Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục 01, 02 đính kèm.

2.3. Thông tin về tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông VAB thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 và dự kiến sau khi tăng vốn: Phụ lục 03 đính kèm.

Thông tin, số liệu trình bày tại mục 2.2 và 2.3 của Phương án tăng vốn điều lệ 2024 tạm tính theo thông tin do Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2024 và VAB sẽ cập nhật chính xác tại thời điểm VAB chính thức thực hiện Phương án tăng vốn năm 2024 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và nhận được thông tin danh sách từ VSDC.

III. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SAU KHI TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Bảng cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn năm 2024

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ
A	TÀI SẢN				
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	362	522	160	44,2%
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.150	2.300	150	7,0%
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	21.982	18.169	(3.813)	-17,3%
IV	Cho vay khách hàng (bao gồm dự phòng rủi ro)	68.312	76.891	8.579	12,6%
V	Chứng khoán đầu tư	7.416	10.636	3.220	43,4%
VI	Góp vốn, đầu tư dài hạn	83	83	-	0,0%
VII	Tài sản cố định	244	281	37	15,2%
VIII	Tài sản Có khác	11.647	8.106	(3.541)	-30,4%
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	112.196	116.988	4.792	4,3%
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước				
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13.884	13.080	(804)	-5,8%
III	Tiền gửi của khách hàng	86.695	90.927	4.232	4,9%
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	17	-	(17)	-100%
VI	Phát hành giấy tờ có giá	486	1.100	614	126,3%
VII	Các khoản nợ khác	3.117	3.046	(71)	-2,3%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	104.199	108.153	3.954	3,8%
VIII	Vốn chủ sở hữu	7.998	8.835	837	10,5%
1	Vốn của tổ chức tín dụng	5.400	7.505	2.105	39,0%
	Vốn điều lệ	5.400	7.505	2.105	39,0%
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	509	464	(45)	-8,8%
3	Lợi nhuận chưa phân phối	2.089	866	(1.223)	-58,5%
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	112.196	116.988	4.792	4,3%

2. Bảng chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và chỉ số an toàn hoạt động năm 2024.

ĐVT: tỷ đồng

Chi tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Tăng trưởng	
			Số tuyệt đối	Tỷ lệ (%)
1. Các chỉ tiêu hoạt động				
1.1. Vốn chủ sở hữu	7.998	8.835	838	10,5%
1.2. Vốn điều lệ	5.400	7.505	2.105	39,0%
1.3. Tổng tài sản	112.196	116.988	4.792	4,3%
1.4. Cho vay khách hàng	69.059	77.741	8.682	12,6%
1.5. Tiền gửi của khách hàng (<i>bao gồm GTCG</i>)	87.181	92.027	4.846	5,6%
1.6. Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác	13.884	13.080	(804)	-5,8%
1.7. Lợi nhuận trước thuế	917	1.058	141	15,4%
1.8. Lợi nhuận sau thuế	744	846	102	13,8%
2. Các tỷ lệ an toàn hoạt động				
2.1. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (TT41)				
<i>Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ</i>	9,23%	≥ 8%		
<i>Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất</i>	9,27%	≥ 8%		
2.2. Giới hạn cấp tín dụng				
<i>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng/vốn tự có</i>	11,33%	≤ 15%		
<i>Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan/vốn tự có</i>	20,39%	≤ 25%		
2.3. Tỷ lệ về khả năng chi trả				
<i>Tỷ lệ dự trữ thanh khoản</i>	13,41%	≥ 10%		
<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam</i>	78,68%	≥ 50%		
<i>Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ</i>	28,73%	≥ 10%		
2.4. Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn	27,46%	≤ 30%		
2.5. Tối đa mua đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn bình quân tháng liền kề trước	6,09%	≤ 30%		
2.6. Giới hạn góp vốn, mua cổ phần				
<i>Mức góp vốn, mua cổ phần của VAB và các công ty con, công ty liên kết /VDL của doanh nghiệp nhận vốn góp</i>	≤ 11%	≤ 11%		
<i>Tổng mức góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp / Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của VAB</i>	11,61%	≤ 40%		
2.7. Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	68,37%	≤ 85%		

Ngoài các chỉ tiêu tỷ lệ bảo đảm an toàn nêu trên, VAB cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định khác của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.

3. Khả năng quản trị, giám sát của VAB.

a. Vốn điều lệ tăng thêm đòi hỏi công tác quản trị, quản lý, giám sát của VAB cũng phải nâng lên một tầm cao mới. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát đều có uy tín, trình độ, kinh nghiệm quản trị ngân hàng và có nhiều tâm huyết, đóng góp vào sự phát triển của ngân hàng. VAB luôn đảm bảo số lượng thành viên HĐQT và thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các mảng hoạt động của Ngân hàng nhằm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của ngành, Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ thường trực. Với cơ chế quản trị và điều hành thống nhất, phối hợp thường xuyên và hiệu quả giữa hoạt động của HĐQT và Ban điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh là yếu tố quan trọng giúp VAB phát triển nhanh và vững chắc.

b. VAB đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát toàn bộ công tác quản trị rủi ro trên mọi lĩnh vực hoạt động của ngân hàng. Đồng thời, tham mưu cho HĐQT các chính sách, biện pháp khắc phục và phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả công tác quản trị điều hành Ngân hàng. Ủy ban ALCO của VAB thực hiện việc quản trị rủi ro hoạt động, thanh khoản, lãi suất, đầu tư.

c. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập, có bộ phận giúp việc là kiểm toán nội bộ. Phòng Kiểm toán nội bộ kiểm tra, giám sát hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ/đơn vị kinh doanh và đã kiến nghị, đưa ra các ý kiến để Ban điều hành kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục trong hoạt động ngân hàng.

d. Ban điều hành VAB là những người có năng lực và kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, hoạt động điều hành việc thực hiện kế hoạch kinh doanh một cách tập trung và đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời. Ngoài ra, Khối Quản trị rủi ro thực hiện việc phân tích, đánh giá và đưa ra những đề xuất cho công tác kiểm soát rủi ro của ngân hàng trong từng hoạt động nghiệp vụ.

e. Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát có năng lực, đoàn kết, có ý thức chấp hành luật pháp và luôn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản trị và điều hành hoạt động của VAB.

f. Hiện nay, hệ thống công nghệ thông tin của VAB đã được trang bị phần mềm lõi CoreBanking, liên tục được nâng cấp và hoàn chỉnh để đáp ứng tối đa các ứng dụng của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng.

IV. ĐỀ XUẤT

1. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ 2024 của VAB như trên.
2. Đồng thời để thuận lợi cho quá trình triển khai công việc nhanh chóng, hiệu quả, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại Hội đồng Cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị hiệu chỉnh/hoàn chỉnh và/hoặc phê duyệt toàn bộ Phương án tăng vốn điều lệ nêu trên (nếu phải chỉnh sửa), phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, đồng thời tiến hành trình

các Cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật. Bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:

- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên;
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên tại Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch (hoặc niêm yết) bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành.
- Ủy quyền/giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện thay đổi nội dung vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ của VAB theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung, công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua./.



Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Tổng Giám đốc.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phuong Thành Long

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁC CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn			Sau tăng vốn			Ghi chú
				Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
....	..									

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI VÀ DỰ KIẾN SAU TĂNG VỐN

ø

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn			Sau tăng vốn			Ghi chú
				Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
....	..									
Tổng cộng										

PHỤ LỤC 3

THÔNG TIN VỀ TỔNG MỨC SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI THỜI ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VAB THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN

Stt	Tên	Địa chỉ	CMND/CCCD/HC/Mã số doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật	Trước tăng vốn			Sau tăng vốn			Ghi chú
				Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết hiện tại (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ hiện tại (%)	Số lượng cổ phần sở hữu dự kiến (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn có quyền biểu quyết dự kiến sau tăng vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ sau tăng vốn (%)	
....	..									
Tổng cộng										

Handwritten signature